

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu vật tư y tế tổng hợp tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về việc quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 10 năm 2015 của Bộ Kế hoạch Đầu tư về quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 và Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/6/2023 của Bộ Y tế về quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch*

*vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1113/QĐ-UBND ngày 26/4/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về mua sắm tài sản theo phương thức tập trung trên địa bàn tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định 1702/QĐ-UBND ngày 24/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt phương án tổ chức đấu thầu mua sắm tập trung cấp địa phương thuốc, hóa chất, vật tư y tế tiêu hao năm 2023-2024;*

*Căn cứ Quyết định số 2702/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt mua sắm vật tư y tế tổng hợp tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.*

*Theo đề nghị của Bệnh viện đa khoa Quảng Nam tại Tờ trình số 3330/TTr-BV ngày 15/12/2023 và Sở Y tế tại Tờ trình số 314/TTr-SYT ngày 18/12/2023 (kèm theo Báo cáo số 3148/BC-HĐTĐ ngày 18/12/2023 của Hội đồng thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói hóa chất, vật tư y tế tiêu hao đấu thầu tập trung cấp địa phương năm 2023 của Sở Y tế).*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu mua sắm vật tư y tế tổng hợp tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, với những nội dung như sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu mua sắm vật tư y tế tổng hợp tập trung cấp địa phương năm 2023 cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

2. Tổng giá trị gói thầu: 15.355.968.295 đồng (Mười lăm tỷ, ba trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm sáu mươi tám nghìn, hai trăm chín mươi lăm đồng).

*\* Mức Giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí theo quy định, chi phí vận chuyển, bảo quản, giao hàng đến kho của các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.*

3. Nguồn vốn: Nguồn thu từ hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, nguồn quỹ Bảo hiểm y tế và nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các đơn vị năm 2023.

4. Cơ quan tổ chức lựa chọn nhà thầu: Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam.

5. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi qua mạng trong nước.

6. Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn hai túi hồ sơ.

7. Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2023.

8. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện:

## 1. Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam

- Chịu trách nhiệm về danh mục chi tiết, thông số kỹ thuật, số lượng từng mặt hàng, mức giá đề xuất; căn cứ các nội dung đã được phê duyệt, tổ chức lập các hồ sơ, thủ tục tiếp theo theo đúng quy định và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình triển khai thực hiện. Trong quá trình lập hồ sơ mời thầu không được nêu bất cứ điều kiện nào làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu; lập, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, tiến hành lựa chọn nhà thầu đảm bảo công khai, cạnh tranh (có nhiều hãng tham gia trong một chủng loại mặt hàng mua sắm), minh bạch, đúng quy định. Chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn các nhà thầu có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện gói thầu mua sắm trên, thông báo và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu; ký kết thỏa thuận với nhà thầu dựa trên kết quả lựa chọn nhà thầu đã được phê duyệt; giám sát, điều tiết quá trình thực hiện thỏa thuận, hợp đồng của các nhà thầu được lựa chọn; tiếp nhận, xử lý thông tin phản hồi từ các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp sử dụng hóa chất, vật tư y tế; không để xảy ra thất thoát, lãng phí, tiêu cực; báo cáo kết quả thực hiện và gửi Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cho Sở Tài chính, Sở Y tế để tổng hợp, theo dõi; đồng thời thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định của Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Sở Y tế chịu trách nhiệm về quy trình, trình tự thủ tục, pháp lý và giá trình phê duyệt đấu thầu; lưu các hồ sơ minh chứng trong quá trình lập các hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Y tế hướng dẫn, giám sát, kiểm tra việc thực hiện đấu thầu của Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam đảm bảo quy định; kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xử lý các phát sinh vướng mắc (nếu có).

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Y tế, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bệnh viện Đa khoa Quảng Nam và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTTU, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu: VT, TH, KGVX, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Anh Tuấn**

## Phụ lục

### MUA SẴM VẬT TƯ Y TẾ TỔNG HỢP CHO CÁC CƠ SỞ Y TẾ CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NAM NĂM 2023

Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
1	Áo phẫu thuật	Vải áo: chống thấm, chống cùn, chống tĩnh điện. Áo có tấm dán sau gáy. Có dây buộc cố định ở phần lưng (eo) đảm bảo che kín toàn thân. Bò cổ tay thun dệt không nổi Khăn thấm: Vải thấm không dệt airlaid, kích thước 30x40cm Giấy gói: vải không dệt tiệt trùng. Các cỡ: size M, L, XL Tiêu chuẩn: ISO 13485	Bộ	35.000	200	7.000.000
2	Airway các số	60,70,80,90mm (Size 0,1,2,3), làm từ polythene không độc hại.Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	4.095	6.458	26.445.510
3	Ba chạc khóa có lock dịch truyền không dây nối	Khóa ba ngã không có dây nối. Được làm từ chất liệu Polycarbonate. Dễ quan sát dòng chảy, không bị rò rỉ. Đã tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485	cái	3.780	8.530	32.243.400
4	Bao cao su	Trong suốt và dẻo dai, nhiều chất bôi trơn. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	714	13.300	9.496.200
5	Bình dẫn lưu dịch màng phổi	Nguyên liệu: Nhựa chống sốc, chống vỡ. Dung tích bình 1800ml Thiết kế bình thẳng đứng, màu trắng trong suốt để kiểm tra chất lỏng. Có Nắp khóa cố định và bộ phao cho phép khí và chất lỏng được đẩy ra khỏi phổi với áp lực hút ổn định Cơ chế 1 chiều Water-seal ngăn không khí và chất lỏng chảy ngược vào phổi. Vạch chia độ rõ ràng giúp dễ dàng xác định được lượng chất thải. Vạch đánh dấu rõ ràng đảm bảo dưới mực nước chỉ định. Trên nắp bình có 3 lỗ thông. Ống bịt kín dưới nước làm bằng vật liệu chống gập, seal giữ cho không khí không bị hút trở lại khoang màng phổi Trên các lỗ có gắn kém nắp đặt tránh mắt nắp, cho phép đóng nhanh và an toàn Kèm dây nối dài 180cm mềm, chống xoắn.Tiêu chuẩn: ISO	Cái	210.000	760	159.600.000
6	Bình dẫn lưu vết thương (áp lực âm)	Chất liệu PVC y tế. Bộ bao gồm: buồng hút chân không 3 lò xo, ống dây PVC, co nối Y, dây dẫn có trocar. Thể tích 200ml hoặc 400ml Cân quang, không latex cao su tự nhiên Kích cỡ: 10Fr, 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr Đóng gói vô trùng.Tiêu chuẩn: ISO	Cái	99.750	610	60.847.500

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
7	Bộ Catheter dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài	Dẫn dịch não tủy (CSF) từ não thất ra ngoài. Theo dõi áp lực và tỷ lệ chảy của dịch não tủy từ não thất. Giảm áp lực nội sọ. Van lọc khí một chiều ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập và hiệu ứng áp lực âm. Bình chứa dịch di chuyển theo dõi dòng chảy, có khóa tạm để điều chỉnh áp lực nhanh chóng, chính xác. Bảng theo dõi và điều chỉnh áp lực nội sọ kích thước 110x630 mm, túi chứa dịch khoảng 700 ml có thể tái sử dụng. Catheter não thất dài khoảng 35 cm. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Bộ	3.600.000	10	36.000.000
8	Bộ dẫn lưu đa chức năng các cỡ	Bộ dẫn lưu đa chức năng (thận, đường mật, chọc dò áp xe, chọc dịch ổ bụng) bao gồm: 1 ống dẫn lưu dạng pigtail (đầu J) có lỗ vật liệu polyurethane có khóa luer-lock, 1 trocar đầu tít dạng sharp sắc nét để xuyên qua da, 1 cannula (nòng sắt) Kích cỡ: 6F - 16F tương thích dây dẫn từ 0.035"-0.038"(inch), chiều dài 25-40cm. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	1.299.990	130	168.998.700
9	Bộ dẫn lưu dịch não tủy từ não thất ra ngoài có thang đo áp lực dòng chảy	Bộ dẫn lưu dịch não tủy có thang đo áp lực dòng chảy - Hệ thống gồm: Van điều chỉnh dòng chảy, túi chứa dịch ≥ 700ml, cột theo dõi áp suất dòng chảy, trocar ≥ 15cm, catheter não thất dài ≥ 35cm -Thang đo áp lực dòng chảy đảm bảo cho dịch chảy đúng áp suất yêu cầu, hỗ trợ việc theo dõi áp suất não - Túi chứa dịch có vạch đo được lượng dịch chảy, có thể tháo rời. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	3.600.000	10	36.000.000
10	Bộ dẫn lưu thất lưng ra ngoài với buồng dẫn lưu áp lực	Chất liệu silicone giúp chống xoắn. Chiều dài catheter ≥ 80cm; Túi chứa dịch ≥ 700ml. Gồm bộ phận dẫn lưu lắp ráp sẵn với buồng dẫn lưu áp lực 120 mL Có khả năng theo dõi dòng chảy, có vị trí tiêm không chứa latex để có thể lấy dịch não tủy đi xét nghiệm hoặc truyền thuốc và hóa chất. Khóa chặn ở đường dây bệnh nhân giúp dễ dàng lấy mẫu dịch não tủy. Tiêu chuẩn: ISO 13485, Có CFS	Bộ	7.000.000	10	70.000.000
11	Bộ dây thở ô-xy dùng một lần các loại, các cỡ	Dây dẫn có chiều dài ≥ 2 m, lòng ống có khóa chống gập. Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gong mũi không chứa chất DEHP Ống dây mềm, thiết kế hình sao, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	cái	4.900	1.630	7.987.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
12	Bộ dụng cụ mở đường vào mạch máu các loại, các cỡ	Chất liệu polythylene và Polypropylene, mềm dẻo an toàn cho bệnh nhân. Sheath tương thích từ 4F-8F. Đường kính dây dẫn $\geq 0.021$ làm bằng thép không gỉ có đầu thẳng, đầu cong hình chữ J dài $\geq 45$ cm. (bao gồm: kim chọc, dây dẫn, ống có van tạo đường vào lòng mạch - introducer sheath). Tiêu chuẩn: ISO 13485	Bộ	619.500	800	495.600.000
13	Bộ van dẫn lưu dịch não tủy	Cơ chế hoạt động van dạng bóng trong ống dẫn hình côn và lò xo phẳng Van Có 08 mức lực từ 30 - 50 - 70 - 90 -110 - 140 -170 - 200 mm H <sub>2</sub> O. Vỏ van bằng polysulfone trong suốt cho phép nhìn thấy áp lực van trước khi cấy ghép Đường kính van $\geq 16$ mm Dây thoát dịch não tủy gắn sẵn vào van, dài $\geq 23$ cm. Dây dẫn lưu xuống ổ bụng dài $\geq 110$ cm. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Bộ	29.000.000	15	435.000.000
14	Buồng tiêm dưới da người lớn, trẻ em	Buồng chứa làm bằng vật liệu Titanium. Vỏ bọc bên ngoài phủ polysulfone, màng chắn silicone Catheter làm bằng vật liệu PU tương thích sinh học, các cỡ. Có cân quang, có vạch đánh dấu xác định vị trí. Thành phần gồm gồm: buồng tiêm, ống truyền (catheter), cây nông mạch, dụng cụ tạo đường hầm, kim thẳng tiêu chuẩn 20G, kim cong 90 độ 20G, kim tiêm 18G, kim an toàn 20G, cây nông, kim luồn 18G, 2 bơm tiêm, Dây dẫn J (và thêm 1 dây dẫn 6FR có phủ hydrophilic), phần bảo vệ chống kim đâm.	Bộ	7.999.990	10	79.999.900
15	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 đường các cỡ	Catheter TMTT 2 đường. Kích cỡ: Các cỡ. Bao gồm: Catheter polyurethane tương thích sinh học có cân quang. Dây dẫn J làm bằng hợp kim Nickel-Titan mềm và linh hoạt, chống gãy gập. Cây nông, bơm tiêm, kim thẳng, dao, hub.	Bộ	524.990	305	160.121.950
16	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Catheter TMTT 2 đường 7F dài 16 hoặc 20cm. Bộ bao gồm: - 01 Catheter đầu tròn mềm làm bằng vật liệu Polyurethane có cân quang. Có vạch chia cm đánh dấu vị trí đặt ống chính xác. - 01 Dây dẫn đầu J mềm linh hoạt - 01 Cây nông - 01 Kim dẫn đường - 01 co nối Y- 01 bơm tiêm 5ml- Kim bơm tiêm - 01 dao mổ- 01 kẹp catheter- 01 khóa kẹp catheter- 01 bơm tiêm có lỗ luồn guidewire	Cái	285.000	1.015	289.275.000
17	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nhánh	Catheter làm từ vật liệu Thermoplastic polyurethane, Ba nhánh Chiều dài catheter $\geq 20$ cm. Đường kính đầu nông: 8F, chiều dài $\geq 10$ cm, bằng polypropylene Đường kính catheter: 7 Fr Guide wire bằng thép không gỉ, chiều dài $\geq 60$ cm Kim dẫn đường chữ Y/ thẳng Đặc điểm: Có vạch đánh dấu độ sâu giúp việc đặt catheter chính xác. Có đường chỉ chắn bức xạ Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO 13485	Cái	449.990	200	89.998.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
18	Catheter tĩnh mạch trung tâm 3 nòng	Catheter polyurethane tương thích sinh học có cân quang, dây dẫn đường đầu J, cây nông, bơm tiêm 5ml, kim Y, dao, hub, cánh khâu cố định catheter. Kích cỡ: các cỡ. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	360.000	550	198.000.000
19	Cây nòng đặt nội khí quản chất liệu nhôm, mềm có phủ nhựa hoặc silicon	Có 2 lớp: vỏ làm bằng chất liệu Plastic, trơn, nhẵn, lõi là dây aluminum dễ uốn. Đầu que mềm nên hạn chế được việc gây tổn thương khi sử dụng. Bề mặt nhẵn, mịn. Tiêu chuẩn: ISO 13485	cái	59.990	10	599.900
20	Đầu col vàng (10 µl-100µl)	Chất liệu: Nhựa dùng trong y tế. Đầu côn được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo dung tích chính xác khi bơm. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	55	517.210	28.446.550
21	Đầu col xanh (200µl-1000µl)	Chất liệu: Nhựa dùng trong y tế. Đầu côn được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo dung tích chính xác khi bơm. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	105	168.810	17.725.050
22	Dây dẫn đường (guide wire) các loại, các cỡ	Dùng để dẫn đường đặt JJ trong niệu quản hoặc thủ thuật tiết niệu qua da. Kích cỡ: các cỡ. Chất liệu: làm bằng thép không gỉ phủ PTFE. Tiêu chuẩn kỹ thuật: Loại mềm ái nước màu đen, đầu thẳng, flexible tip dài 5cm, tiết trùng, vỏ màu trong. Tiêu chuẩn ISO	Cái	299.990	840	251.991.600
23	Dây hút đàm	Được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC không độc hại, dùng trong y tế. Đảm bảo vô khuẩn. Không quá cứng hoặc quá mềm. Ống trơn láng, không sản sùi hoặc dập nứt. Độ dài, có vạch chia chuẩn trên thân ống. Có van kiểm soát. Kích cỡ: các số. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2.899	5.320	15.422.680
24	Dây hút dịch phẫu thuật □	Dài ≥ 2m. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, trắng trong, có hai đầu nối. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh. Độ đàn hồi cao, chịu được áp suất âm tối đa (≥ -75kpa) không bị bóp méo. Tiết trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	10.000	19.315	193.150.000
25	Dây hút dịch sử dụng một lần	Các số 5-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc. Khóa van các cỡ có đầu gen để kết nối với các thiết bị phụ trợ chuyên dụng. Chịu được áp lực cao của máy hút. Tiêu chuẩn EN ISO 13485	Cái	3.100	5.390	16.709.000
26	Dây hút nhót các số	Các số 5-18. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	2.625	101.180	265.597.500
27	Dây hút nhót loại có kiểm soát	Dây hút nhót các số 5-16. Sản xuất từ chất liệu nhựa y tế PVC mềm dẻo dễ nhìn. Có van kiểm soát. Khóa van các cỡ có đầu gen để kết nối với các thiết bị phụ trợ chuyên dụng. Chịu được áp lực cao của máy hút. Ống dài ≥ 50 cm. Tiêu chuẩn: ISO 13485 có CFS	cái	2.899	36.530	105.900.470
28	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện được làm từ chất liệu nhựa PVC y tế trong suốt, không độc tố. Đầu nối khóa luer lock, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Độ dài của dây nối: các cỡ. Đường kính ngoài ≥ 4.0mm, đường kính trong ≥ 2.5mm. Tiết trùng bằng khí EO, không gây sốt. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	5.733	14.556	83.449.548
29	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện được làm từ chất liệu nhựa PVC y tế trong suốt, không độc tố. Đầu nối khóa luer lock, khóa bảo vệ, ống chống xoắn. Độ dài của dây nối: các cỡ. Đường kính trong ≥ 0.9 mm, Đường kính ngoài ≥ 1.9mm. Tiết trùng bằng khí EO, không gây sốt. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	6.000	11.130	66.780.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
30	Dây nối bơm tiêm điện 75cm	Dây nối bơm tiêm điện dài $\geq 75$ cm, được làm từ chất liệu nhựa PVC y tế trong suốt, không độc tố. Hai đầu dây là khóa dạng xoắn luer lock. Đường kính trong $\geq 0.9$ mm, Đường kính ngoài $\geq 1.9$ mm. Dây chống xoắn, chịu áp lực. Không có chất DEHP. Tiệt trùng bằng khí EO, không gây sốt.	Cái	5.500	5.620	30.910.000
31	Dây nối bơm tiêm điện áp lực cao	Chiều dài dây nối 50cm, 100cm, 150cm. Làm từ chất liệu nhựa PVC. Không chứa DEHP, đầu nối Luer, chống xoắn. Tiêu chuẩn ISO 13845	Cái	11.500	500	5.750.000
32	Dây nối hút dịch	Dây nối hút dịch chất liệu nhựa PVC, đường kính trong $\geq 5.6$ mm, đường kính ngoài $\geq 8.0$ mm. Chiều dài 1.8m hoặc 3.7mm. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	15.750	10.013	157.704.750
33	Dây Oxy 2 nhánh người lớn, trẻ em	Dây dẫn có chiều dài $\geq 2$ m, lồng ống có khóa chống gập. Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gong mũi không chứa chất DEHP Ống dây mềm, thiết kế hình sao, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO 13845	Cái	4.900	44.220	216.678.000
34	Dây Oxy hai nhánh sơ sinh	- Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gong mũi - Không chứa chất DEHP, được tiệt trùng bằng khí EO - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Ống không bị tác động bởi oxy hay thuốc - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi. - Các cỡ: trẻ sơ sinh - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2$ m. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO	Cái	5.000	4.564	22.820.000
35	Dây thở oxy	Dây dẫn có chiều dài $\geq 2$ m, lồng ống có khóa chống gập. Chất liệu nhựa PVC y tế cao cấp, bao gồm dây dẫn và gong mũi không chứa chất DEHP Ống dây mềm, thiết kế hình sao, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. Các cỡ: trẻ sơ sinh, trẻ em và người lớn Tiệt trùng bằng khí EO. Tiêu chuẩn ISO 13845	Bộ	4.900	16.920	82.908.000
36	Điện cực tim 4cm x 3.3cm	Chất liệu PE-foam, độ bám dính cao, không để lại chất kết dính. Tương thích hầu hết với các loại cáp kết nối. Kích thước: các cỡ	Miếng	1.799	26.720	48.069.280
37	Giấy điện tim 3 cần	Kích thước 63*100*300. Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cuộn	18.900	3.805	71.914.500
38	Giấy điện tim 6 cần	Giấy kẻ ô vuông, đường kẻ rõ nét. Kích thước 110mmx140mm .Tiêu chuẩn: ISO 13485	Xấp	31.500	1.819	57.298.500
39	Giấy in kết quả siêu âm đen trắng	Dùng cho máy siêu âm. Kích thước 110 mm $\times$ 20 m .Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cuộn	126.000	3.789	477.414.000
40	Giấy in nhiệt	Kích thước 100mm x 20m .Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cuộn	126.000	130	16.380.000
41	Giấy in nhiệt	Kích thước: 57mm x 30m x 12mm .Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cuộn	12.600	847	10.672.200
42	Giấy siêu âm 110mm x20m,	Dùng cho máy siêu âm. Kích thước 110 mm $\times$ 20 m .Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cuộn	126.000	733	92.358.000



STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
43	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Các khớp răng đều, thẳng hàng, gờ không sắc. Tiết trùng khí EO, không độc hại, không gây kích ứng. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.350	18.360	24.786.000
44	Kẹp titan túi phình mạch máu não hình lưới lê các cỡ	Độ dài hàm kẹp 3;4;5;7;9;12 mm Độ mở rộng hàm tối thiểu 3.2mm Lực kẹp tối thiểu 110 gms Hàm kẹp loại lưới lê Có chốt chống kẹt mạch máu vào góc hàm clip, bề mặt clip có răng chéo tăng ma sát, chất liệu titanium nguyên chất.	cái	6.000.000	10	60.000.000
45	Kẹp titan túi phình mạch máu não thẳng, cong các loại, các cỡ	Độ dài hàm kẹp: nhiều kích thước Độ mở rộng hàm tối thiểu 3.2mm Lực kẹp tối thiểu 110 gms Hàm kẹp loại thẳng, cong Có chốt chống kẹt mạch máu	cái	6.000.000	10	60.000.000
46	Khóa 3 ngã chống nứt gãy có dây nối 10cm	Khóa ba chạc 10cm - Làm bằng nhựa chất lượng cao dùng trong y tế, không gây độc, gây sốt, không gây gập hoặc chảy nước. - Chịu được áp lực cao. - Khóa luer ở đầu khóa dễ dàng kết nối với các loại kim, dây truyền, bộ vi điều chỉnh... - Không tương tác khi truyền với các loại nhũ dịch, dịch béo hay các loại thuốc. - Khử trùng bằng khí EO( Ethylene Oxide). Đạt tiêu chuẩn ISO13485	cái	7.563	3.000	22.689.000
47	Khóa ba chạc	Khoá ba ngã không dây nối, nòng trong trơn đảm bảo dòng chảy Đầu nối khoá ren (Luer lock) với 1 khoá ren chính (kết nối dương) và 2 khoá ren phụ (kết nối âm). Chống nứt gãy rò rỉ khi truyền với nhũ dịch béo, lipid hay các loại thuốc chống ung thư; bề mặt phẳng đường dẫn dịch hai chiều Thân khoá bằng chất liệu Polycarbonate trong suốt, nhẵn bóng, quan sát được dòng chảy, Nút vặn (tay xoay) bằng chất liệu Polyethylene; Chịu được áp lực cao Khóa ren dạng đai xoay giúp kết nối chặt chẽ và nhanh chóng Dây nối chất liệu PVC y tế, Tiêu chuẩn ISO	Chiếc	3.990	11.050	44.089.500
48	Khóa ba chạc có dây nối	Chịu được áp lực tối thiểu 2 bar, đảm bảo không rò rỉ. Tiêu chuẩn ISO	Cái	6.300	13.900	87.570.000
49	Khóa ba ngã có dây dẫn □	Dây có khoá kết nối đóng mở chắc chắn, độ dài tối thiểu 10m. Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy. Khóa không hở, thông tốt, dễ điều chỉnh. Tiêu chuẩn ISO	Cái	6300	10.405	65.551.500
50	Khóa ba ngã không có dây nối	Chạc ba có nòng trơn nhẵn, đảm bảo dòng chảy. Khóa không hở, thông tốt, dễ điều chỉnh.	cái	4600	100	460.000
51	Lam kính 7102	Chất liệu kính, bề mặt phẳng, trong suốt, không bị nấm mốc. Tiêu chuẩn ISO 13845	Miếng	248	38.384	9.519.232

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
52	Lam kính mài	Chất liệu thủy tinh, trong suốt, bề mặt phẳng, không bị nám mốc. Tiêu chuẩn ISO 13845	Hộp	22.050	41.480	914.634.000
53	Lọ đựng dịch nội soi có dây	Lọ nhựa, có dây hút dịch, có dây nối Nhiều kích cỡ. Tiêu chuẩn ISO 13845	Cái	13.629	10.800	147.193.200
54	Lọc khuẩn 3 chức năng người lớn trẻ em	Hiệu quả lọc vi khuẩn $\geq 99.9\%$ Hiệu quả lọc virus $\geq 99.99\%$ Có khóa. Tiêu chuẩn ISO 13845	Cái	63.000	150	9.450.000
55	Lọc khuẩn 3 chức năng trẻ em và trẻ sơ sinh	Khả năng lọc: $\geq 99.9\%$ . Tiêu chuẩn ISO	Cái	21.000	300	6.300.000
56	Lọc khuẩn dùng cho máy đo chức năng hô hấp các cỡ, các loại	Vật liệu lọc bằng nhựa y tế, kỵ nước, không tốt cho sự phát triển của nấm, vi khuẩn, virus. Đường kính trong và ngoài của 2 đầu tương thích với từng loại máy. Tiêu chuẩn ISO	Cái	37.779	6.300	238.007.700
57	Lọc khuẩn lọc virus	Hiệu quả lọc vi khuẩn, virus đến 99,9% Lọc 100% HCV. Được tiệt trùng Tiêu chuẩn ISO 13845	Cái	24.990	2.500	62.475.000
58	Lưỡi cố định vùng bụng chậu	Vật liệu: nhựa dẻo, bề dày, mật độ, kích thước. Tiêu chuẩn ISO 13845	cái	1.450.000	10	14.500.000
59	Lưỡi dao mổ các số	Chất liệu: thép không gỉ hoặc tương đương, sắc bén được tiệt trùng. Có nhiều kiểu dáng, đầu mũi khác nhau. Tiêu chuẩn ISO 13845	Cái	945	37.390	35.333.550
60	Lưỡi dao mổ điện	Tay dao điện có phích cắm ba chấu. Thân tay dao bằng nhựa cứng. Lưỡi dao bằng thép không gỉ, sắc bén. Tiêu chuẩn ISO 13845	Cái	56.700	810	45.927.000
61	Mặt nạ cố định đầu - cổ	Hình thức: Kiểu chữ U Chất liệu Aquaplast hoặc Fibreplast Bề dày lưới Kích thước: dài. Tiêu chuẩn ISO 13845	cái	1.310.000	250	327.500.000
62	Mặt nạ cố định đầu - cổ - vai	Hình thức: Kiểu chữ S Chất liệu: Fibreplast Tiêu chuẩn ISO 13845	Cái	3.133.000	20	62.660.000
63	Mặt nạ gây mê	Mặt nạ làm bằng vật liệu PVC, trong suốt, không chứa DEHP và cao su. Tiêu chuẩn ISO 13845	Chiếc	42.000	180	7.560.000
64	Mặt nạ khí dung người lớn (L), trẻ em (M)	Mặt nạ khí dung làm bằng nhựa PVC y tế hoặc tương đương, trong suốt, không gây kích ứng. Có dây chống xoắn. Tiêu chuẩn ISO 13845	Cái	14.700	2.370	34.839.000
65	Mặt nạ thở oxy	Mặt nạ làm bằng nhựa y tế, trong suốt, không có chất tạo màu. Có dây dẫn dài tối thiểu 2m Dây đeo có độ đàn hồi cao. Được tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13845	Bộ	14.000	7.380	103.320.000
66	Mặt nạ thở oxy có túi ECO	Mặt nạ và dây dẫn bằng nhựa PVC trong suốt, không có chất tạo màu, được tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13845	Bộ	17.990	160	2.878.400

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
67	Mặt nạ xông khí dung	Mặt nạ làm bằng nhựa y tế, trong suốt, không có chất tạo màu. Có dây dẫn dài tối thiểu 2m Dây đeo có độ đàn hồi cao. Được tiệt trùng . Tiêu chuẩn ISO 13845	Bộ	14.700	30.340	445.998.000
68	Miếng cầm máu mũi	Miếng cầm máu mũi,có dây, tiệt trùng, tốc độ cầm máu nhanh, thấm hút tốt. Tiêu chuẩn ISO 13845	Miếng	88.200	1.600	141.120.000
69	Miếng dán điện cực	Điện cực cầm biến có độ nhạy tốt, dẫn truyền bằng Gel. Tiêu chuẩn ISO 13845	Miếng	1.995	47.130	94.024.350
70	Miếng Dán điện cực tim	Hình dạng: Giọt nước mắt. Tổng diện tích bề mặt: $\geq 1017$ mm <sup>2</sup> . Chất liệu lót :Polyethylene trắng/EVA Đặc tính dính :Băng dính acrylic y tế Đặc tính keo: Hydrogel dính và dẫn điện Chịu tải/ nhân sau Giấy kim loại polyolefinin Lớp lót: Polystyrene Cầm biến :Polyme cốt liệu các bon, phủ Ag/AgCl Bộ chuyển đổi/Giắc cầm Đồng phủ Nickel .Tiêu chuẩn: ISO 13485	Miếng	2.400	26.050	62.520.000
71	Miếng dán điện cực, điện cực dán, đệm điện cực các loại, các cỡ	Chất liệu nền foam, độ bám dính cao. Gel dính keo dẫn điện an toàn, ko kích ứng, có độ dính tốt.	Miếng	2.600	9.200	23.920.000
72	Mở khí quản 2 nòng có bóng	Mở khí quản có 2 nòng có bóng, có cánh. Chất liệu PVC y tế, không gây kích ứng cho bệnh nhân. Thê tích bóng lớn, áp lực thấp.	Bộ	934.990	150	140.248.500
73	Mỏ vít	Chất liệu nhựa y tế, trong suốt, độ trơn cao. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	3.850	3.050	11.742.500
74	Mũi khoan xương, các cỡ	Thân tròn. Đường kính các cỡ, chất liệu thép không gỉ. .Tiêu chuẩn: ISO hoặc CE hoặc tương đương.	Cái	630.000	507	319.410.000
75	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	Ống dẫn lưu màng phổi, chất liệu bằng PVC, chống gây gập. Thân có cân quang và khắc vạch mỗi 2cm. Vô trùng, Đạt tiêu chuẩn: ISO □	Cái	379.990	110	41.798.900
76	Ống dẫn lưu (drain) các loại, các cỡ	Ống dẫn lưu màng phổi, chất liệu bằng PVC, chống gây gập. Thân có cân quang và khắc vạch mỗi 2cm. Vô trùng, Đạt tiêu chuẩn: ISO □	Cái	199.500	100	19.950.000
77	Ống đặt nội khí quản có bóng, các số	Chất liệu nhựa PVC trong suốt, mềm, không độc hại. Bóng thể tích lớn, áp lực thấp. Thân ống có cân quang. Tiêu chuẩn: ISO	Cái	42.000	19.735	828.870.000
78	Ống đặt nội khí quản không bóng, các số	Chất liệu nhựa PVC trong suốt, mềm, không độc hại. Thân ống có cân quang. Tiêu chuẩn: ISO	Cái	42.000	2.533	106.386.000
79	Ống đặt nội khí quản lò xo có bóng, các số	Chất liệu nhựa PVC trong suốt, mềm, không độc hại. Bóng thể tích lớn, áp lực thấp. Lò xo làm bằng thép không gỉ. Thân ống có cân quang. Tiêu chuẩn: ISO	Cái	249.990	255	63.747.450

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
80	Ống mở khí quản 2 nòng có bóng, có cửa sổ các số	Đầu nối có thể xoay tự do theo mọi góc, giảm sự khó chịu cho bệnh nhân. Thiết kế ống nòng trong tháo lắp dễ dàng bằng khóa cài dạng bớp. Ống được làm bằng nhựa polyurethane (PU), có chất cản quang để giúp phát hiện khi chụp X-Quang. Bóng chèn được làm bằng PU siêu mỏng thể tích cao áp lực thấp giúp giảm thiểu khe hở để vi khuẩn xâm nhập. Hai tai cố định ống trên cổ rộng và mềm mại nên tạo sự thoải mái cho bệnh nhân Sử dụng được trong khi chụp MRI. Thân ống và hai ống thay có cửa sổ để bệnh nhân tập nói .Có thể lưu ≥ 29 ngày. Số 5.0 -8.0 Bộ bao gồm: Ống mở khí quản, 2 cannula thay thế, đai đeo cổ, miếng chêm, nắp ống. Tiêu chuẩn ISO, CE.	Cái	84.000	130	10.920.000
81	Ống mở khí quản 2 nòng không bóng, có cửa sổ các số	Chất liệu bằng nhựa y tế, có chất cản quang. Hai tai cố định ống trên cổ rộng và mềm. Thân ống và hai ống thay có cửa sổ Tiêu chuẩn ISO, CE. Tiệt trùng	Cái	1.260.000	15	18.900.000
82	Ống nội khí quản có bóng	Chất liệu bằng nhựa y tế, trong suốt, có cản quang. Bóng thể tích lớn, áp lực thấp. Tiêu chuẩn ISO	Cái	49.990	1.005	50.239.950
83	Ống nội khí quản có bóng các số	Chất liệu bằng nhựa y tế, trong suốt, có cản quang. Bóng thể tích lớn, áp lực thấp. Tiêu chuẩn ISO	Cái	24.990	620	15.493.800
84	Ống nội khí quản có bóng, không bóng	Chất liệu bằng nhựa y tế, trong suốt, có cản quang. Bóng thể tích lớn, áp lực thấp. Tiêu chuẩn ISO	Cái	18.000	50	900.000
85	Ống nội khí quản cong miệng có bóng các cỡ	Chất liệu nhựa y tế, có cản quang. Miệng ống cong. Đã tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO	Cái	210.000	50	10.500.000
86	Ống Nội khí quản gập công mũi có bóng	Ống bằng nhựa y tế có độ cong hoặc gập ống, có cản quang. Bóng thể tích lớn áp lực nhỏ. Tiêu chuẩn ISO	cái	210.000	10	2.100.000
87	Ống nội khí quản lò xo	Ống nội khí quản lò xo mũi - miệng. Vật liệu PVC. Bóng thể tích lớn, áp lực thấp. Thân ống có vòng lò xo làm bằng thép không gỉ, có 2 vạch đánh dấu trên thân ống giúp đặt ống đúng vị trí. Size 2.5 - 9.0. Tiệt trùng, không latex. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Cái	249.990	10	2.499.900
88	Ống Nội khí quản lò xo có bóng chèn	Các cỡ từ 5.5 đến 8,5 Fr, thân ống có vòng xoắn kim loại chạy dọc thân ống, có 2 vạch đánh dấu trên bóng giúp đặt ống đúng vị trí. Bóng thể tích lớn áp lực nhỏ. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	cái	249.990	5	1.249.950
89	Ống Nội khí quản lò xo có bóng chèn trẻ em	Các cỡ từ 3.0 đến 5.0 Fr, thân ống có vòng xoắn kim loại chạy dọc thân ống, có 2 vạch đánh dấu trên bóng giúp đặt ống đúng vị trí. Bóng thể tích lớn áp lực nhỏ. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	cái	249.990	10	2.499.900
90	Ống nối nội khí quản	Đoạn nối dây thở sử dụng một lần. Không chứa PVC và cao su. Chiều dài có thể thay đổi linh hoạt từ 10 - 16cm. Công kết nối 22F/15M. Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương	Chiếc	26.990	10	269.900

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
91	Ống thông (catheter) các loại, các cỡ	Bộ Catheter lọc máu đường hầm 2 nòng Chất liệu bằng carbothane Kích thước: $\geq$ dài 36cm. Thể tích mỗi 1.6->2.3ml, tốc độ chảy 450 - 500ml/ phút Các bộ phận đi kèm: 01 kim hướng dẫn 18G, 01 dây dẫn, 01 cây tạo hầm, 01 thông luân catheter, 01 bơm tiêm 12ml, 01 dao số 11, 02 băng, 02 nắp đậy, 04 gạc. Tiêu chuẩn: ISO 13485	cái	4.499.990	60	269.999.400
92	Ống thông dạ dày	Ống thông dạ dày các cỡ từ 5 Fr - 18 Fr, gồm 2 loại có nắp và không có nắp. Chất liệu PVC. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3.450	5.360	18.492.000
93	Ống thông dạ dày	Ống thông dạ dày các cỡ từ 5 Fr - 18 Fr, gồm 2 loại có nắp và không có nắp. Chất liệu PVC. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	3.450	1.402	4.836.900
94	Ống thông hậu môn	Ống thông hậu môn các cỡ từ 22-28. Chất liệu PVC. Tiêu chuẩn ISO 13845 hoặc tương đương	Cái	4.000	2.105	8.420.000
95	Ống thông JJ đặt nong niệu quản không dây dẫn đường	Kích cỡ: 6Fr, 7Fr, 8Fr Chiều dài: $\geq$ 26cm Chất liệu: làm bằng nhựa (PUR) Polyurethane. Cây đẩy Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	299.990	3.400	1.019.966.000
96	Ống thông tiểu 1 nhánh (Sonde Nelaton) các số	Chất liệu: PVC. Size: 6 Fr - 24 Fr. Vô trùng. Tiêu chuẩn ISO 13845, CE hoặc tương đương	Cái	5.499	7.225	39.730.275
97	Ống thông tiểu 2 nhánh, phủ silicone, các số	Chất liệu cao su thiên nhiên, phủ silicon Kích thước: 6Fr - 16Fr Chiều dài từ 270 mm - 400 mm Tiêu chuẩn: ISO 13845 hoặc tương đương	Cái	24.990	6.380	159.436.200
98	Ống thông tiểu foley 2 nhánh, phủ silicone	Chất liệu cao su thiên nhiên hoặc tương đương, phủ silicon Kích thước: 12Fr - 30Fr Chiều dài từ 400 mm $\pm$ 10mm Tiêu chuẩn: ISO 13845 hoặc tương đương	Cái	24.990	9.120	227.908.800
99	Ống thông tiểu foley 2 nhánh, phủ silicone	Chất liệu cao su thiên nhiên hoặc tương đương, phủ silicon Kích thước: 6Fr - 10Fr Chiều dài từ 270 mm $\pm$ 10mm Thể tích bóng đa dạng Tiêu chuẩn: ISO 13845, CE hoặc tương đương	Cái	13.650	8.970	122.440.500
100	Ống thông tiểu foley 3 nhánh, phủ silicone các số	Ống thông tiểu 3 nhánh bao gồm: phễu bơm bóng, phễu dẫn lưu, Có thể sử dụng tối đa 14 ngày. Vật liệu nhựa cao su thiên nhiên hoặc tương đương, phủ silicone. Bóng dung tích lớn. Kích cỡ: từ 16Fr đến 26Fr. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	28.990	1.100	31.889.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
101	Ống thông tiêu silicone tiết trùng 2 nhánh	Tương thích sinh học cao, thời gian đặt ống 30 ngày. Bóng silicone cố định, Dung tích bóng: 1ml, 3ml tùy theo kích thước ống. Ống thông chất liệu 100% silicone Có dây cố định hỗ trợ dẫn đường. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	129.990	50	6.499.500
102	Phin lọc khuẩn dùng trong y tế	Phin lọc khuẩn, khả năng lọc khuẩn (BFE): $\geq 99,99\%$ , lọc vi rút (VFE): $\geq 99,9\%$ , trọng lượng $\geq 17g$ , khoảng chết $\leq 27ml$ , trở kháng $\leq 1,8cmH_2O$ tại 60l/min. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	44.990	4.000	179.960.000
103	Phin lọc khuẩn đo chức năng hô hấp	Lọc vi khuẩn, vi rút cho máy đo chức năng hô hấp, đầu ngâm elip. Vật liệu PVC hoặc tương đương, không chứa latex, màng lọc tĩnh điện. Đường kính ngoài $\geq 48mm$ . Hiệu suất lọc vi khuẩn $\geq 99,99\%$ , vi rút $\geq 99,9\%$ . Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương	Cái	37.779	3.000	113.337.000
104	Phin lọc khuẩn giữ ẩm, giữ ấm	Dụng cụ làm ẩm làm ấm không khí cho ống mở khí quản, có một công riêng để hút đờm, có khoang nhỏ ngăn đờm có van oxy giúp cung cấp một lượng oxy khi cần thở oxy, màng trao đổi độ ẩm và ấm là màng cellulose. Diện tích trao đổi khí $\geq 500 cm^2$ . Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	cái	29.390	250	7.347.500
105	Phin lọc khuẩn kết hợp làm ẩm dùng cho máy thở	Phin lọc hệ thống thở và HME cho người lớn với bộ lọc và giữ ẩm hiệu quả cao. Thể tích khoảng chết $\leq 55ml$ ; Có tích hợp sẵn công trích khí lấy mẫu Thể tích khí lưu thông $\geq 200 mL$ Làm bằng vật liệu Polypropylene trong suốt Có công trích khí lấy mẫu. Khả năng lọc vi khuẩn $\geq 99,99\%$ , virus $\geq 99,9\%$ Phương pháp lọc tĩnh điện Kích thước: Dài $\geq 55mm$ , rộng $\geq 55mm$ , cao $\geq 62mm$ ; nặng $\geq 17g$ Công kết nối 2 đầu 22/15 Tiêu chuẩn: ISO 13485, CE hoặc tương đương.	Cái	63.000	2.000	126.000.000
106	Phin lọc khuẩn loại 3 chức năng, dùng cho người lớn	Phin lọc khuẩn loại 3 chức năng, dùng cho người lớn được làm từ nhựa y tế, buồng lọc trong suốt, dễ dàng quan sát bên trong. Màng lọc Polypropylene. Thiết kế có công lấy mẫu khí tiện lợi. Khối lượng $\geq 29g$ . Thể tích khí lưu thông: $\geq 200ml$ . Khoảng chết cơ học $\leq 18 ml$ . Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	21.000	400	8.400.000
107	Phin lọc vi khuẩn các loại	Bộ lọc bằng nhựa y tế hoặc tương đương Hiệu quả lọc: $\geq 99,99\%$ Lọc bằng cơ chế tĩnh điện Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	24.990	2.420	60.475.800

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
108	Que tăm bông vô trùng	Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Que	2.940	13.570	39.895.800
109	Que thử thai nhanh	Định tính phát hiện hCG trong nước tiểu của người. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Test	3.360	3.930	13.204.800
110	Sáp xương cầm máu	Sáp cầm máu xương Trọng lượng $\geq 2$ gr. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	44.990	2.000	89.980.000
111	Sonde dạ dày người lớn, trẻ em	Nhựa mềm, dẻo, được tiệt trùng, có nắp, không nắp các số. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	13.650	10.235	139.707.750
112	Sonde Fogarty hút huyết khối □	Catheter loại bỏ máu đông. 100% silicone, bóng chống sock(không bị phân mảnh). Kích cỡ: 2F - 7F dài 40 - 100. Thể tích 0.05cc - 2.00cc. Đường kính bóng khi bơm 4mm - 14mm . Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	Bộ	942.900	100	94.290.000
113	Sonde Nelaton các số	Chất liệu PVC hoặc tương đương. Đầu ống đóng kín, vói hai mắt bên để thoát nước hiệu quả. Chiều dài $\geq 40$ cm. Kích thước: 6 đến 24. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	5.499	1.280	7.038.720
114	Tấm trải nylon	Thành phần: nylon hoặc màng nhựa. Quy cách: Dài 100cm, Rộng $\geq 130$ cm, tiệt trùng. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	6.300	2.750	17.325.000
115	Thông dạ dày dài ngày	Chất liệu Polyurethane, có thể lưu ống $\geq 29$ ngày. Có công nối chữ Y giúp bơm dịch, thuốc mà không cần phải ngừng cho ăn. Chiều dài $\geq 91$ cm. Chất liệu không chứa DEHP. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	cái	159.990	100	15.999.000
116	Thông dạ dày người lớn	Các số: 12 -18, dài $\geq 125$ cm. Chất liệu PVC mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương.	cái	13.650	11.520	157.248.000
117	Thông Foley 2 nhánh trẻ em	Kích thước bóng: $\geq 3$ cc Các số: 8, 10. Chiều dài $\geq 30$ cm Chất liệu cao su thiên nhiên có phủ silicon giảm kích ứng, thành ống dày chống gãy gập, lỗ ống rộng dẫn lưu tốt. Bóng cân đối có 2 nhánh, chất liệu không có chất DEHP. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	cái	24.990	650	16.243.500
118	Túi camera nội soi	Bao bọc camera dùng trong thủ thuật, phẫu thuật các loại, các cỡ .Tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	9.450	9.070	85.711.500
119	Túi cho ăn	Làm bằng nhựa PVC nguyên sinh. Thể tích 1200 ml, có chia vạch rõ ràng. Tiệt trùng bằng khí EO .Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	31.500	5.500	173.250.000

STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
120	Túi đựng dịch xạ 15L	Sản phẩm này được sử dụng kết nối với bộ cassette lọc màng bụng (hay còn gọi là thẩm phân phúc mạc) tự động. Túi này được dùng để thu thập dịch thải ra trong điều trị lọc màng bụng (hay còn gọi là thẩm phân phúc mạc) tự động. Được tiệt trùng bằng ethylene oxide. cất giữ ở nhiệt độ phòng Túi chứa được 15 lít. Chất liệu: PVC, LDPE, ABS, HDPE, PP .Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	67.000	150	10.050.000
121	Túi đựng nước tiểu	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. Dung tích 2000ml, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, chiều dài ống dẫn $\geq 90$ cm. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) .Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5.460	25.088	136.980.480
122	Túi lấy máu ba	Ống dây lấy máu dài $\geq 980$ mm Có cấu trúc gồm 3 túi: Túi 1 : dung tích $\geq 250$ ml chứa máu toàn phần hoặc khối hồng cầu : Túi chứa 35ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD Túi 2 : dung tích $\geq 250$ ml để chứa huyết tương. Túi 3 : dung tích $\geq 250$ ml để chứa dung dịch bảo quản hồng cầu AS-5. Sức bền của túi : Sức bền ly tâm (Centrifugation resistance ) $\geq 5000$ g trong 10 phút Sức bền áp lực (Pressure resistance) $\geq 0.7$ kg/cm <sup>2</sup> trong 10 phút Sức bền nhiệt độ (Thermal resistance) trong khoảng -80độC tới 37độC $\pm 2$ độ C . Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Túi	109.200	8.000	873.600.000
123	Túi lấy máu đơn 250ml	Thể tích 250ml. Túi có 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 Ống dây nhận máu: dài $\geq 980$ mm Có kẹp Polycetal ép phun, có khoảng 12 đoạn ống nhận máu. Bộ mã vạch trên nhãn túi. Sức bền của túi: Sức chịu lực ly tâm (Centrifugation resistance ): khoảng 5000g trong 10 phút. Sức chịu áp suất (Pressure resistance): khoảng 0.7kg/cm <sup>2</sup> trong 10 phút. Sức chịu nhiệt độ (Thermal resistance): trong khoảng -80độC tới 37độC $\pm 2$ độ .Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Túi	60.000	6.645	398.700.000



STT	Tên mặt hàng	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Đơn giá dự toán (đồng)	Số lượng	Thành tiền (đồng)
124	Túi lấy máu đơn 350ml	Có dung tích 350ml để đựng máu toàn phần. Túi chứa sẵn 49ml dung dịch chống đông CPDA -1 để bảo quản máu toàn phần tới 35 ngày ở 4 độ C±2 độ C . Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy không gây rỉ máu sau khi lấy đủ máu. Ống dây lấy máu dài ≥ 980mm, có kẹp nhựa để khóa tạm thời đường lấy máu. Mã số ký hiệu trên ống dây được in chìm. Sức bền của túi : Sức bền ly tâm (Centrifugation resistance) ≥ 5000g trong 10 phút Sức bền áp lực (Pressure resistance) ≥ 0.7kg/cm2 trong 10 phút Sức bền nhiệt độ (Thermal resistance) trong khoảng -80độC tới 37độC ±2độ C .Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Túi	65.000	2.000	130.000.000
125	Túi máu đôi 250ml	Bao gồm 02 túi, thể tích mỗi túi 250ml. Túi 1: có 35ml dung dịch chống đông CPDA-1 Túi 2: túi chuyên . Ống dây nhận máu: dài 980 ± 40 mm . Ống chuyển có chiều dài 540 ± 25 mm. . Có kẹp Polycetal ép phun, có 12 đoạn ống nhận máu. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	74.000	11.000	814.000.000
126	Van dẫn lưu nhân tạo não thất - màng bụng	Catheter phủ lớp barium có đầu tip có đánh dấu bằng tantalum, giúp nhìn rõ dưới X-ray. Markers chiều dài đánh dấu độ sâu đâm xuyên trong quá trình đâm vào. Catheter đường kính trong ≥ 1.3mm và đường kính ngoài ≥ 2.5mm. Chiều dài catheter não thất ≥ 23cm, Chiều dài catheter ổ bụng ≥ 90cm Có thiết bị kiểm soát hiện tượng siphon cho phép bệnh nhân duy trì được áp lực nội sọ mà không bị ảnh hưởng bởi tốc độ dòng chảy của dịch não tủy hay tư thế của bệnh nhân. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	7.600.000	20	152.000.000
127	Vật liệu máu tự tiêu	Vật liệu cầm máu trong 2-4 phút. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 4-6 tuần. Độ pH-trung lập. 100% phân hủy sinh học. Tương thích với được phẩm các loại. Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	88.200	400	35.280.000
128	Xốp cầm máu tự tiêu	Miếng xốp cầm máu phẫu thuật được sản xuất từ nguyên liệu Gelatine tự nhiên có độ tinh khiết cao có nguồn gốc từ động vật. Sản phẩm được tiết trùng đóng gói riêng từng miếng Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	88.200	550	48.510.000
<b>Tổng cộng: 128 mặt hàng</b>						<b>15.355.968.295</b>